

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31/3/2023

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **NGUYỄN VĂN HIỀN**

- Bà **NGUYỄN THỊ KIM HẠNH**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **CHIÊM HẢI AN** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 598/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị NG N Y, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân N, xã T P, huyện C T, tỉnh B.

- **Bị đơn:** Anh N V H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L Q, xã N H, huyện C L, tỉnh T G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 07/10/2022 nguyên đơn chị NG N Y trình bày: Do quen biết, chị Y và anh N V H tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị NG N Y xin ly hôn anh N V H.

Bị đơn anh N V H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị NG N Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn anh N V H cư trú: Ấp L Q, xã N H, huyện C L, tỉnh T G. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị Y và anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh N V H nhưng anh vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

- Chị NG N Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn chị NG N Y trình bày, chị và anh N V H tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh N V H nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y và anh H vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh H đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị Y. Xét thấy, thời

gian anh chị ly thân cũng đã lâu, không còn quan tâm nhau nữa, tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị Y được ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị NG N Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NG N Y
Cho chị NG N Y được ly hôn với anh N V H.

2. Về án phí: Chị NG N Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016877 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Ngọc